

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 761 /QĐ-VPCP

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S..... Ngày: 02/09.....

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thẩm tra dự án, dự thảo
văn bản quy phạm pháp luật tại Văn phòng Chính phủ

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 08/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 74/2012/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-VPCP ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Văn phòng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (đề b/c);
- VPCP: BTCN, các PCN, các Trợ lý, Thư ký Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Vụ, Cục, TTTH, TGD Công TTĐT, Trung tâm HNQG, HTTN, Văn phòng ĐU, CĐ, ĐTN;
- Lưu: VT, PL (3b). 58

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Nguyễn Văn Nên

QUY CHẾ

Thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại Văn phòng Chính phủ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 761 /QĐ-VPCP
ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là dự án, dự thảo) là xem xét, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nghiên cứu, soạn thảo và trình dự án, dự thảo; có ý kiến đánh giá độc lập về nội dung, và đề xuất kiến nghị trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền đối với dự án, dự thảo.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nội dung thẩm tra; phân công trách nhiệm trong thẩm tra và trình tự, thủ tục thẩm tra; các biện pháp hỗ trợ và điều kiện bảo đảm cho hoạt động thẩm tra dự án, dự thảo.

2. Dự án, dự thảo thuộc phạm vi thẩm tra bao gồm:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội do bộ, cơ quan ngang bộ được phân công chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ;

b) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội gửi xin ý kiến Chính phủ;

c) Dự thảo Nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ;

d) Dự thảo thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng, Chủ nhiệm); dự thảo thông tư liên tịch do Văn phòng Chính phủ chủ trì hoặc phối hợp soạn thảo.

Điều 3. Nguyên tắc thẩm tra

1. Phù hợp với chức năng, thẩm quyền của Văn phòng Chính phủ.
2. Một dự án, dự thảo chỉ giao cho một đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì thẩm tra, các đơn vị liên quan có trách nhiệm tham gia phối hợp thẩm tra.
3. Bám sát đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; quan điểm, ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ đối với việc nghiên cứu, soạn thảo dự án, dự thảo.
4. Bảo đảm tính độc lập, khách quan; dân chủ, công khai, minh bạch; chất lượng, có giá trị và kịp thời.
5. Tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quy chế làm việc của Chính phủ, Quy chế làm việc của Văn phòng Chính phủ và Quy chế này.
6. Bảo đảm sự phối hợp giữa Văn phòng Chính phủ với các cơ quan, tổ chức có liên quan; giữa các đơn vị liên quan và giữa các công chức trong nội bộ từng đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ.

Chương II

NỘI DUNG THẨM TRA VÀ PHÂN CÔNG CHUNG VỀ TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC THẨM TRA

Điều 4. Nội dung thẩm tra

Đơn vị chủ trì thẩm tra tiến hành thẩm tra tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Sự phù hợp và nhất quán của nội dung dự án, dự thảo với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; với quan điểm, ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; với thực tiễn đời sống xã hội.
2. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục soạn thảo và trình dự án, dự thảo; về tính hợp pháp và đầy đủ của hồ sơ dự án, dự thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
3. Sự cần thiết, mục tiêu, tư tưởng chính sách và nội dung cơ bản của dự án, dự thảo; những vấn đề còn ý kiến khác nhau;
4. Tính đồng bộ, thống nhất của dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật;
5. Dự báo ảnh hưởng tác động về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của nội dung dự án, dự thảo;
6. Việc tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật lập pháp, lập quy; các quy định về thể thức trình bày văn bản.

Điều 5. Nội dung phối hợp thẩm tra

Đơn vị phối hợp thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra những nội dung dự án, dự thảo thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm quyền và trình tự, thủ tục xây dựng, trình dự án, dự thảo;

2. Sự phù hợp của nội dung dự án, dự thảo với đường lối đối nội của Đảng; với chủ trương, chính sách của Chính phủ và quan điểm, ý kiến chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; với thực tiễn quản lý của ngành, lĩnh vực mà đơn vị được phân công theo dõi;

3. Về sự đồng bộ, thống nhất của nội dung dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật; sự tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên thuộc ngành, lĩnh vực quản lý mà đơn vị được phân công theo dõi;

4. Các nội dung khác (xét thấy cần thiết).

Điều 6. Phương thức thẩm tra

1. Đơn vị chủ trì thẩm tra phải phân công trách nhiệm cụ thể trong việc thẩm tra đối với dự án, dự thảo theo phương thức sau đây:

a) Một dự án, dự thảo được giao cho một chuyên viên chủ trì, phối hợp với các chuyên viên khác trong đơn vị để tiến hành thẩm tra;

b) Trong trường hợp dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, Trưởng đơn vị chủ trì thẩm tra có thể thành lập nhóm chuyên viên để tiến hành thẩm tra.

2. Đơn vị chủ trì thẩm tra phải gửi hồ sơ dự án, dự thảo đến đơn vị có liên quan để lấy ý kiến phối hợp thẩm tra về những vấn đề có liên quan thuộc nội dung của dự án, dự thảo.

3. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì thẩm tra gửi hồ sơ dự án, dự thảo xin ý kiến lãnh đạo Văn phòng Chính phủ phụ trách lĩnh vực có liên quan. Nội dung xin ý kiến phải nêu rõ những vấn đề xin ý kiến, quan điểm của đơn vị chủ trì thẩm tra, ý kiến của các đơn vị phối hợp thẩm tra.

Trong thời hạn hai ngày làm việc, lãnh đạo Văn phòng Chính phủ có ý kiến về dự án, dự thảo, gửi lại đơn vị chủ trì thẩm tra.

Điều 7. Văn bản thẩm tra

1. Dự thảo văn bản thẩm tra trình lãnh đạo Văn phòng Chính phủ phải thể hiện rõ quan điểm, đánh giá của Văn phòng Chính phủ về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra quy định tại Điều 4 của Quy chế này; đề xuất những ý kiến tham mưu cụ thể về nội dung cần chỉnh lý, hoàn thiện đối với dự án, dự thảo.

2. Văn bản thẩm tra dự án, dự thảo phải được thể hiện bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Báo cáo thẩm tra của Văn phòng Chính phủ về dự án, dự thảo (sau đây gọi tắt là Báo cáo thẩm tra);

b) Phiếu trình giải quyết công việc của Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ về dự án, dự thảo (sau đây gọi tắt là Phiếu trình);

c) Các hình thức khác.

3. Việc thẩm tra đối với dự án, dự thảo trình phiên họp Chính phủ phải được thể hiện dưới hình thức Báo cáo thẩm tra.

4. Báo cáo thẩm tra dài không quá 5 trang giấy (khổ A4) do Bộ trưởng, Chủ nhiệm ký tên, đóng dấu Văn phòng Chính phủ và được gửi đến các thành viên Chính phủ.

Báo cáo thẩm tra có thể có bản tóm tắt dài không quá 2 trang; có thể có phụ lục kèm theo để cung cấp thêm thông tin hoặc những phân tích, đánh giá cụ thể về những vấn đề liên quan hoặc một số ý kiến khác của thành viên Chính phủ về dự án, dự thảo.

5. Báo cáo thẩm tra gồm những nội dung chính sau đây:

a) Nhận xét, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục soạn thảo, hồ sơ dự án, dự thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; về sự phù hợp của dự án, dự thảo với đường lối, quan điểm của Đảng, chủ trương, chính sách của Chính phủ; với quan điểm, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

b) Tổng hợp việc xin ý kiến các thành viên Chính phủ (nếu có) và ý kiến của Văn phòng Chính phủ về những vấn đề quan trọng hoặc còn ý kiến khác nhau; đề xuất và nêu ý kiến về một số vấn đề quan trọng khác để Chính phủ thảo luận;

c) Kiến nghị bổ sung, chỉnh lý, hoàn thiện những nội dung cụ thể của dự án, dự thảo.

6. Phiếu trình đối với dự án, dự thảo không thuộc phạm vi quy định tại khoản 3 Điều này dài không quá 3 trang giấy (khổ A4) theo mẫu quy định.

7. Văn bản thẩm tra và hồ sơ dự án, dự thảo được thẩm tra được nộp lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 8. Phân công phụ trách trong lãnh đạo Văn phòng Chính phủ

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm phụ trách chung và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ công tác thẩm tra, về nội dung thẩm tra của Văn phòng Chính phủ đối với dự án, dự thảo.

2. Các Phó Chủ nhiệm giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác thẩm tra dự án, dự thảo thuộc lĩnh vực được phân công và có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo việc chuẩn bị ý kiến thẩm tra các dự án, dự thảo thuộc lĩnh vực công tác được phân công;

b) Quyết định việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ hoạt động thẩm tra quy định tại Điều 20 của Quy chế này;

c) Chủ trì cuộc họp với lãnh đạo hoặc đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan để xử lý những vấn đề còn ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo;

d) Đối với dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, nhạy cảm, Phó Chủ nhiệm phụ trách phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ nhiệm;

đ) Phê duyệt nội dung văn bản thẩm tra đối với những dự án, dự thảo, trước khi trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

Điều 9. Phân công trách nhiệm thẩm tra đối với các đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ

1. Đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm chủ trì thẩm tra dự án, dự thảo theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Chủ nhiệm có thể trực tiếp giao một dự án, dự thảo quan trọng, phức tạp cho một đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện thẩm tra.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các đơn vị của Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm phối hợp thẩm tra về những vấn đề của dự án, dự thảo có liên quan theo đề nghị của đơn vị chủ trì thẩm tra.

3. Vụ Pháp luật có trách nhiệm:

a) Tham gia thẩm tra để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính đồng bộ, thống nhất của dự thảo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với hệ thống pháp luật; bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật lập quy trước khi dự thảo được trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành;

b) Thẩm tra dự thảo thông tư, thông tư liên tịch do các đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ soạn thảo trước khi trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký, ban hành.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì thẩm tra

1. Tổ chức thẩm tra dự án, dự thảo thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách và dự án, dự thảo khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm giao bảo đảm chất lượng và đúng thời hạn quy định;

2. Theo dõi, tham gia liên tục, ngay từ đầu trong suốt quá trình nghiên cứu, soạn thảo, trình dự án, dự thảo;

3. Gửi hồ sơ dự án, dự thảo đến đơn vị có liên quan để lấy ý kiến phối hợp thẩm tra; tiếp thu, giải trình đầy đủ, nghiêm túc các ý kiến phối hợp thẩm tra, ý kiến tham gia thẩm tra;

4. Gửi dự thảo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã được chỉnh lý, hoàn thiện đến Vụ Pháp luật để lấy ý kiến tham gia thẩm tra về tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật; về bảo đảm kỹ thuật lập quy, trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành;

5. Đề xuất với Bộ trưởng, Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực quyết định các công việc sau đây:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định gửi xin ý các thành viên Chính phủ về một số vấn đề lớn, quan trọng hoặc vấn đề còn ý kiến khác nhau thuộc nội dung của dự án, dự thảo;

b) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ hoạt động thẩm tra quy định tại Điều 20 của Quy chế này;

c) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin và tài liệu có liên quan đến dự án, dự thảo được thẩm tra;

6. Trách nhiệm của Trưởng đơn vị chủ trì thẩm tra

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm phụ trách trực tiếp lĩnh vực về công tác thẩm tra của đơn vị mình theo quy định;

b) Phụ trách chung về công tác thẩm tra của đơn vị; phân công cụ thể cho Lãnh đạo đơn vị theo dõi, chỉ đạo công tác thẩm tra các dự án, dự thảo trên các lĩnh vực thuộc phạm vi phân công cho đơn vị;

c) Phân công trách nhiệm cho chuyên viên trong việc nghiên cứu nội dung dự án, dự thảo thẩm tra; điều phối các hoạt động trao đổi, thảo luận tập thể trong việc thẩm tra dự án, dự thảo;

d) Đề xuất với lãnh đạo Văn phòng Chính phủ về việc cử công chức tham gia làm thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án, dự thảo.

Điều 11. Trách nhiệm đơn vị phối hợp thẩm tra

1. Tổ chức nghiên cứu, có ý kiến phối hợp thẩm tra về các nội dung liên quan đến dự án, dự thảo thuộc lĩnh vực đơn vị mình phụ trách; gửi ý kiến phối hợp thẩm tra bằng văn bản đến đơn vị chủ trì thẩm tra trong thời hạn chậm nhất là ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, dự thảo.

2. Đề nghị đơn vị chủ trì thẩm tra cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung của dự án, dự thảo.

3. Chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp thẩm tra về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

4. Theo chỉ đạo của lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, Trưởng đơn vị có trách nhiệm đề xuất việc cử công chức của đơn vị mình tham gia làm thành viên Tổ biên tập dự án, dự thảo.

Chương III

THẨM TRA DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 12. Phân công trách nhiệm trong việc thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Vụ Pháp luật có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh trước khi trình phiên họp Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Đơn vị được phân công theo dõi lĩnh vực nào thì có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp luật và các đơn vị khác có liên quan thẩm tra đối với dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thuộc lĩnh vực đó trước khi trình phiên họp Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm tra dự án, dự thảo đúng thời hạn; bảo đảm chất lượng của văn bản thẩm tra;

2. Tổ chức nghiên cứu các nội dung liên quan đến dự án, dự thảo;

3. Gửi đầy đủ hồ sơ đến đơn vị có liên quan để lấy ý kiến phối hợp thẩm tra về những vấn đề có liên quan thuộc nội dung dự án, dự thảo; nghiên cứu, tiếp thu ý kiến phối hợp thẩm tra để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản thẩm tra;

4. Đề xuất thực hiện các biện pháp hỗ trợ thẩm tra phù hợp quy định tại Điều 20 Quy chế này;

5. Tham gia các hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo dự án, dự thảo;

6. Sau khi Chính phủ thảo luận, cho ý kiến, đại diện cho Văn phòng Chính phủ tham gia phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự án, dự thảo trên cơ sở nghị quyết phiên họp Chính phủ;

7. Tham dự các cuộc họp thẩm tra của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; các phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, của Quốc hội thảo luận cho ý kiến hoặc xem xét, thông qua dự án, dự thảo.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị phối hợp thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Tổ chức thẩm tra theo nội dung phối hợp thẩm tra quy định tại Điều 5 của Quy chế này; bảo đảm chất lượng của ý kiến phối hợp thẩm tra; ý kiến tham gia thẩm tra phải thể hiện bằng văn bản và gửi đến đơn vị chủ trì thẩm tra đúng thời hạn quy định;

2. Tổ chức nghiên cứu những vấn đề của dự án, dự thảo liên quan đến nội dung phối hợp thẩm tra;

3. Đề nghị đơn vị chủ trì thẩm tra cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan;

4. Tham gia hội thảo, tọa đàm; khảo sát thực tế do đơn vị chủ trì thẩm tra tổ chức;

5. Có ý kiến phối hợp thẩm tra bằng văn bản gửi về đơn vị chủ trì thẩm tra trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị phối hợp thẩm tra dự án, dự thảo

1. Phiếu đề nghị phối hợp thẩm tra (theo mẫu quy định).

2. Tờ trình về dự án, dự thảo.

3. Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức.

6. Bản thuyết minh về dự án, dự thảo.

7. Bản báo cáo đánh giá tác động về dự án, dự thảo.

8. Tài liệu khác (nếu có).

Chương IV

**THẨM TRA DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Điều 16. Phân công trách nhiệm

1. Đơn vị được phân công theo dõi lĩnh vực nào thì có trách nhiệm chủ trì thẩm tra dự thảo thuộc lĩnh vực đó.

2. Các đơn vị khác liên quan có trách nhiệm phối hợp thẩm tra theo đề nghị của đơn vị chủ trì thẩm tra.

3. Vụ Pháp luật tham gia thẩm tra về tính hợp hiến, hợp pháp và tính đồng bộ, thống nhất của dự thảo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với hệ thống pháp luật; về bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật lập quy của dự thảo.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị phối hợp thẩm tra

1. Tổ chức thẩm tra theo nội dung phối hợp thẩm tra quy định tại Điều 5 của Quy chế này; bảo đảm chất lượng của ý kiến phối hợp thẩm tra.

2. Tổ chức nghiên cứu những vấn đề của dự thảo liên quan đến nội dung phối hợp thẩm tra.

3. Khi cần thiết, đề nghị đơn vị chủ trì thẩm tra cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan.

4. Tham gia hội thảo, tọa đàm; khảo sát thực tế do đơn vị chủ trì thẩm tra tổ chức.

5. Ý kiến phối hợp thẩm tra bằng văn bản gửi về đơn vị chủ trì thẩm tra trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị phối hợp thẩm tra

1. Phiếu phối hợp xử lý văn bản (theo mẫu quy định).

2. Tờ trình về dự thảo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Dự thảo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp.

5. Bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức.

6. Tài liệu khác (nếu có).

Điều 19. Trách nhiệm của Vụ Pháp luật trong việc tham gia thẩm tra dự thảo để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật

1. Đơn vị chủ trì thẩm tra dự thảo phải gửi hồ sơ dự thảo đến Vụ Pháp luật để lấy ý kiến tham gia thẩm tra, trước khi dự thảo được Văn phòng Chính phủ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

2. Nội dung tham gia thẩm tra của Vụ Pháp luật bao gồm:

a) Sự phù hợp của các quy định của dự thảo với tinh thần, nguyên tắc và nội dung quy định của Hiến pháp;

b) Sự thống nhất, đồng bộ giữa quy định của dự thảo với hệ thống pháp luật; sự thống nhất giữa các nội dung quy định trong dự thảo;

c) Sự phù hợp của dự thảo với các quy định và nguyên tắc về kỹ thuật lập quy.

3. Hồ sơ gửi Vụ Pháp luật tham gia thẩm tra gồm có:

a) Phiếu thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (theo mẫu quy định);

b) Dự thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành;

c) Dự thảo văn bản thẩm tra.

4. Ý kiến tham gia thẩm tra bằng văn bản gửi đến đơn vị chủ trì thẩm tra trong thời hạn ba ngày làm việc.

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Điều 20. Các biện pháp hỗ trợ hoạt động thẩm tra

1. Trong quá trình thẩm tra, đơn vị chủ trì thẩm tra dự án, dự thảo có thể đề xuất với lãnh đạo Văn phòng Chính phủ cho thực hiện một hoặc một số biện pháp hỗ trợ hoạt động thẩm tra sau đây:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ hoặc Phó Thủ tướng Chính phủ cho phép Văn phòng Chính phủ gửi phiếu lấy ý kiến các thành viên Chính phủ về các vấn đề quan trọng còn ý kiến khác nhau thuộc nội dung dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Thực hiện chuyên đề nghiên cứu, đề tài khoa học để nghiên cứu lý luận và đánh giá, tổng kết thực tiễn các vấn đề liên quan đến nội dung của dự án, dự thảo;

c) Tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học;

d) Lấy ý kiến tư vấn các chuyên gia, các nhà khoa học;

đ) Khảo sát thực tiễn tại các bộ, ngành, địa phương;

e) Gửi văn bản xin ý kiến tham gia các cơ quan, tổ chức liên quan;

g) Tổ chức cuộc họp của Văn phòng Chính phủ với lãnh đạo hoặc đại diện lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết những vấn đề quan trọng, phức tạp, còn ý kiến khác nhau thuộc nội dung của dự án, dự thảo trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ hoạt động thẩm tra phải bảo đảm yêu cầu thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ thẩm tra thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 21. Điều kiện bảo đảm

1. Đội ngũ công chức Văn phòng Chính phủ thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ, năng lực và kỹ năng thẩm tra để ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thẩm tra dự án, dự thảo.

2. Các đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc thẩm tra dự án, dự thảo theo yêu cầu của đơn vị được phân công chủ trì thẩm tra.

3. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm tra, trước hết là xây dựng các phần mềm ứng dụng, hình thành các cơ sở dữ liệu, cung cấp và trao đổi thông tin liên quan.

4. Duy trì thường xuyên các hoạt động thanh tra, kiểm tra công vụ nội bộ nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và đề cao trách nhiệm trong công tác thẩm tra.

5. Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động thẩm tra dự án, dự thảo được bảo đảm kịp thời và đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Về xây dựng và thực hiện kế hoạch thẩm tra

Trên cơ sở chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hằng năm, 6 tháng và hàng quý và hàng tháng, Trưởng đơn vị chủ trì thẩm tra phải có kế hoạch phân công trách nhiệm đối với từng lãnh đạo trong đơn vị mình chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc; phân công trách nhiệm cho chuyên viên trong việc nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến thẩm tra đối với từng dự án, dự thảo, bảo đảm tiến độ và chất lượng thẩm tra.

Điều 23. Trách nhiệm của Vụ trưởng Vụ Pháp luật

1. Trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định các biện pháp chỉ đạo, phối hợp; đôn đốc và kiểm tra các đơn vị thuộc Văn phòng Chính phủ trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Tham mưu, giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm xử lý những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế này.

3. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm kết quả thực hiện Quy chế này.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo hiệu lực của Quyết định ban hành.
2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Trưởng các đơn vị và công chức, viên chức Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Nguyễn Văn Nên